

Unit 6

FUTURE JOBS

TRỌNG TÂM

1. Kỹ năng ngôn ngữ

• **Đọc:**

- Đọc và đoán nghĩa của từ dựa theo ngữ cảnh.
- Đọc và tìm thông tin đúng, không đúng liên quan đến ý chính của đoạn văn.

• **Nói:**

- Nói việc cần phải làm của mỗi nghề.
- Nói quan điểm của cá nhân về nghề.

• **Nghe:**

- Nghe đoạn văn và điền thông tin còn thiếu vào bảng.
- Nghe đoạn văn và tìm thông tin đúng/sai.

• **Viết:**

- Hiểu được thông tin chính về quảng cáo tìm việc làm.
- Viết được lá thư xin việc theo quảng cáo.

2. Trọng tâm ngôn ngữ

- **Phát âm:** Hình thức nhấn mạnh, không nhấn mạnh khi phát âm các liên từ và giới từ đơn lẻ và trong các phát ngôn.
- **Ngữ pháp:** Sử dụng các mệnh đề quan hệ.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy và băng cát xét.
- Tranh ảnh trong sách giáo khoa và các giáo cụ trực quan khác (nếu có).

A. READING

Before you read

Theo nhóm, HS đánh dấu vào các yếu tố có thể giúp các em thành công trong phỏng vấn xin việc. Ví dụ: *I think wearing casual clothes would help me succeed in a job interview.*

While you read

Theo cá nhân, yêu cầu HS đọc thầm đoạn văn và chuẩn bị thực hiện những nhiệm vụ sau khi đọc.

Task 1. (Trang 64)

Theo cá nhân, yêu cầu HS chọn nghĩa của các từ xuất hiện trong bài đọc trong số A, B hoặc C. Mục đích của bài tập là giúp HS nắm cách sử dụng của một số từ cơ bản xuất hiện trong bài đọc.

Yêu cầu một số HS nói đáp án trước lớp, HS khác nghe, cho nhận xét hoặc sửa lỗi cho bạn (nếu có).

ĐÁP ÁN GỢI Ý

1	2	3	4
B	C	A	B

Task 2. (Trang 64)

Theo cặp hoặc nhóm nhỏ, yêu cầu HS tìm trong số các câu từ 1 đến 8 xem có câu nào đúng, câu nào sai so với các thông tin liên quan đến nội dung bài đọc. Đi quanh, nghe và giúp các cặp HS nào gặp khó khăn. Kiểm tra một số từ và cấu trúc ngữ pháp của HS nếu thấy cần thiết.

Gọi một vài HS nói đáp án của cặp hoặc nhóm trước lớp, HS khác nghe và cho nhận xét hoặc sửa lỗi (nếu có).

ĐÁP ÁN GỢI Ý

1	2	3	4	5	6	7	8
F	T	F	T	T	F	F	T

After you read

Theo nhóm (từ 5 đến 10 em), yêu cầu HS thực hành nói về các vấn đề mà câu hỏi đưa ra. Trong khi HS thảo luận, GV đi quanh các nhóm, nghe và giúp các nhóm gặp khó khăn. Lưu ý rằng có thể có nhiều ý kiến khác nhau về cùng một câu hỏi.

B. SPEAKING

Task 1. (Trang 66)

Yêu cầu HS đọc đầu bài để hiểu mục đích và yêu cầu của bài tập. Có thể yêu cầu một HS nói lại mục đích và yêu cầu của bài tập.

Theo cặp, yêu cầu HS tìm hai (hoặc hơn hai) ý ở cột B phù hợp với mỗi nghề ở cột A. HS nói những việc mà mọi người thường làm trong mỗi nghề, có thể có nhiều ý kiến khác nhau. GV khuyến khích HS nói ý kiến riêng của mình. Trong khi HS thảo luận, GV đi quanh các nhóm, nghe và giúp các nhóm gặp khó khăn.

Yêu cầu một số HS nói kết quả bài tập trước lớp, các em khác nghe và cho nhận xét. Ví dụ:

A doctor is the one who has to take care of people's health.

ĐÁP ÁN GỢI Ý

A	B
a doctor	<ul style="list-style-type: none">• take care of people's health• help save people's lives
a farmer	<ul style="list-style-type: none">• construct irrigation systems• apply new farming techniques
a tour guide	<ul style="list-style-type: none">• find good and safe hotels for customers• take people to places of interest
a writer	<ul style="list-style-type: none">• tell stories through pictures• create imaginary characters and events

Task 2. (Trang 66)

Theo cặp, yêu cầu HS nói lại ý kiến của mình sử dụng các cụm từ cho sẵn theo ví dụ nêu trong SGK. Nếu cần thiết có thể giải thích cách nói khi nêu ý kiến riêng về một vấn đề nào đó.

Example:

I would like to work as a journalist. Working as a journalist would be a fascinating job because I would have a chance to travel all over the world and meet many interesting people.

Trong khi HS tham gia luyện tập, GV đi quanh lớp để giúp những cặp nào gặp khó khăn. Có thể tham gia đóng một vai với một cặp nào đó nếu cần thiết.

Yêu cầu một số cặp nói kết quả bài làm trước lớp, HS khác nghe và cho nhận xét.

Task 3. (Trang 67)

Theo nhóm từ 5 đến 10 HS, yêu cầu các em thảo luận theo yêu cầu của bài tập. Lưu ý HS nói càng nhiều ý càng tốt. Có thể có nhiều ý kiến khác nhau tùy quan điểm và hiểu biết cá nhân.

Đại diện các nhóm công bố kết quả thảo luận trước lớp, HS khác nghe và cho nhận xét.

C. LISTENING

Before you listen

Theo cặp, yêu cầu HS thảo luận theo yêu cầu của đề bài. Cần lưu ý rằng có thể có nhiều phương án trả lời khác nhau.

Đọc mẫu hoặc bật băng (nếu có) cho HS nghe và nhắc lại các từ đã cho, (GV có thể hoặc yêu cầu HS nhắc lại đồng thanh hoặc chỉ định một vài cá nhân nhắc lại).

Lưu ý HS đây là những từ sẽ xuất hiện trong bài nghe. Bảo đảm rằng HS biết nghĩa của các từ này trước khi chuyển sang bài tập sau.

While you listen

Task 1. (Trang 67)

Trình bày rõ tình huống để HS hiểu được ngữ cảnh trong đó bài nghe xuất hiện.

Ví dụ: *You will hear someone/a man/a woman talking about jobs in the United States. Listen to the tape/my reading and then complete the boxes.*

Yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài tập 1, sau đó đọc các thông tin còn thiếu trong bảng. Đảm bảo rằng HS hiểu hết nghĩa của các từ được giới thiệu. Nếu có từ mới, GV cần sử dụng các thủ thuật dạy từ vựng quen thuộc như đồng nghĩa, nghịch nghĩa, giải thích, dịch sang tiếng Việt.

Đọc rõ hoặc bật băng nếu có (một hoặc hai lần) để HS nghe và điền vào các ô trống. Yêu cầu một HS nói đáp án trước lớp, HS khác nghe và cho nhận xét. Có thể yêu cầu HS chữa các từ sai.

ĐÁP ÁN

- | | |
|--------------------------|--------------------|
| 1. <i>Manufacturing</i> | 4. <i>Finance</i> |
| 2. <i>Service</i> | 5. <i>services</i> |
| 3. <i>Transportation</i> | |

Tapescript

Let's look at some of the recent changes in the US job market and see if we can make some predictions for future jobs.

A good way to begin is to look at the American workforce and how it is changing. The most important change has been the shift from manufacturing jobs to service jobs.

Manufacturing jobs are jobs in which people make something or produce things. For example, people produce cars. Service jobs are those in which workers provide services, or we may say, they do something, like washing people's cars. Generally, service jobs are grouped into five categories:

One: Transportation companies

Two: Wholesale companies

Three: Retail companies

Four: Finance companies

Five: Personal services, such as hotels, cars repair, accounting, education and medicine

Now the point here is that people have changed from manufacturing jobs to service jobs. For example, one hundred years ago, 80% of workers produced goods, today only 30% do. Economists predict that by the year 2020, nine out of every ten workers will work in service jobs.

Task 2. (Trang 68)

Yêu cầu HS đọc các câu trước khi nghe lại bài nghe trong thời gian từ 1 đến 2 phút. Lưu ý HS các thông tin cần hướng tới khi nghe để có thể trả lời các câu hỏi.

Đọc rõ hoặc bật băng một lần để HS có thể tìm câu đúng/sai.

GV yêu cầu một vài HS nói đáp án trước lớp, HS khác nghe, cho nhận xét hoặc sửa lỗi cho bạn (nếu có).

ĐÁP ÁN GỢI Ý

1	2	3	4	5
T	T	T	F	F

After you listen

Theo cặp hoặc theo nhóm, yêu cầu HS kể lại nội dung chính của bài nghe dựa vào các thông tin đã thảo luận qua bài tập 1 và 2.

Yêu cầu một số HS tóm tắt trước lớp về nội dung bài nghe, HS khác nghe và cho nhận xét hoặc sửa lỗi cho bạn (nếu có).

Nếu có thời gian, yêu cầu HS ghi lại ý chính bài nghe.

D. WRITING

Task 1. (Trang 68)

Làm việc cá nhân, yêu cầu HS đọc bảng quảng cáo tìm việc trong SGK.

Làm việc theo cặp hoặc trong nhóm nhỏ, một em hỏi và một em trả lời các câu hỏi theo gợi ý phía bên dưới.

- Type of job: *Tour guide*
- Level of education needed: *high school diploma*
- Work experience: *experience as a tour guide, fluent English*
- Character and interests: *good manner, willing to work hard for long hours*

Task 2. (Trang 69)

Yêu cầu mỗi HS viết một lá thư xin việc dựa vào các thông tin trong bảng quảng cáo khoảng 10 đến 15 phút.

Theo cặp hoặc nhóm nhỏ, yêu cầu HS trao đổi bài vừa hoàn thành, cho ý kiến nhận xét hoặc chữa bài cho bạn.

Nếu có thời gian, yêu cầu một HS chép bài làm của mình lên bảng, cả lớp đọc, cho nhận xét.

Gợi ý:

*Flat 3, 324, Ly Thuong Kiet Street,
Hanoi*

16, October, 2004

*Hanoi Vinatour
250, Nguyen Du Street, Hanoi*

Dear Sir or Madam,

I am writing in reply to your advertisement in the Vietnam News for experienced English-speaking local guides to accompany foreign visitors on trips throughout Vietnam.

I think I meet all of the qualifications that you specify. I was awarded High School Certificate two years ago. After leaving high school, I worked as an accountant in a small travel agency for one year, where I was given a training course on tourism. Then I had one year of experience as a tour guide so I know many tourist areas in Vietnam and have a basic knowledge of Vietnamese culture, history and geography.

I speak English fluently. In addition, I am a sociable and confident person and can work hard for long hours. I would like to work for you and would appreciate the opportunity to discuss this position with you in person.

I am looking forward to hearing from you at your convenience.

Yours faithfully,

Nguyen Quoc Anh

E. LANGUAGE FOCUS

Pronunciation

• Listen and repeat.

Đọc mẫu một hoặc hai lượt các giới từ và liên từ được đọc nhấn mạnh và đọc lướt.

Đọc rõ từng âm, sau đó từng từ cho HS nhắc lại.

Chỉ định một số HS đọc lại và sửa lỗi nếu thấy cần thiết.

• Practise reading these sentences.

Đọc mẫu một hoặc hai lượt. Lưu ý các giới từ và liên từ đọc lướt trong các phát ngôn.

Theo cặp/nhóm, yêu cầu HS thực hành đọc thành tiếng. GV đi quanh lớp để giúp đỡ khi nhóm/cặp HS nào gặp khó khăn.

Grammar

Exercise 1. (Trang 70)

Theo cặp hoặc cá nhân, yêu cầu HS chọn đại từ quan hệ phù hợp để hoàn thành câu.

HS làm bài trong một khoảng thời gian nhất định (10 phút) sau đó yêu cầu một số HS nói kết quả bài làm trước lớp, HS khác nghe, cho nhận xét.

Lưu ý: Hiện nay người ta có xu hướng sử dụng "Who" thay cho "Whom" trong giao tiếp thông thường. "Whom" thường được dùng trong văn phong xã giao.

ĐÁP ÁN GỢI Ý

1. *whom*

2. *which*

3. *Whoever*

4. *which*

- | | |
|-----------------|-----------------|
| 5. <i>which</i> | 8. <i>who</i> |
| 6. <i>who</i> | 9. <i>which</i> |
| 7. <i>whose</i> | 10. <i>whom</i> |

Exercise 2. (Trang 70)

Theo cặp, HS thực hiện bài tập theo yêu cầu của đề bài. HS làm bài trong một khoảng thời gian nhất định (10 phút) sau đó yêu cầu HS nói kết quả bài làm trước lớp, HS khác nghe, cho nhận xét.

ĐÁP ÁN GỢI Ý

1. *I read a book that was written by a friend of mine.*
I read a book written by a friend of mine.
2. *A man who was carrying a lot of money in a box got on the bus.*
A man carrying a lot of money in a box got on the bus.
3. *In the street there were several people who were waiting for the shop to open.*
In the street there were several people waiting for the shop to open.
4. *Britain imports many cars which/that were made in Japan.*
Britain imports many cars made in Japan.
5. *There are a lot of people in your office who want to talk to you.*
There are a lot of people in your office wanting to talk to you.
6. *The cowboy who had been wounded by an arrow fell off his horse.*
The cowboy wounded by an arrow fell off his horse.
7. *Most of the people who were injured in the crash recovered quickly.*
Most of the people injured in the crash recovered quickly.
8. *John, who wished he hadn't come to the party, looked anxiously at his watch.*
John, wishing he hadn't come to the party, looked anxiously at his watch.
9. *The children who were playing football in the schoolyard were my students.*
The children playing football in the schoolyard were my students.
10. *Vietnam exports a lot of rice which is grown mainly in the south of the country.*
Vietnam exports a lot of rice grown mainly in the south of the country.